

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2017/HSST
Ngày: 18/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Cao Cường

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Quốc Tú - Kiểm sát viên

Ngày 18/8/2017, tại hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2017/HSST ngày 24/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T - Sinh ngày: 01/6/1987; nơi ĐKKHKT: Phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kỹ sư; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Nguyễn Văn L - sinh năm 1957 và con bà: Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1959; có vợ: Bùi Thị A - sinh năm: 1989 và 01 con - sinh năm: 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 26/4/2017 đến 11/5/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần L

Địa chỉ: Km x, quốc lộ y, phường H, quận H, Hải Phòng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự (theo Giấy ủy quyền ngày 11/4/2017): Ông Trần Văn C - Sinh năm: 1993;

Nơi ĐKKHKT: Xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi liên quan:

- Anh Lê Văn T1 - Sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;(có mặt).

- Anh Lê Anh V - Sinh năm: 1990

Trú tại: Đội 2 Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

* Người làm chứng: Anh Hồ Hậu T2 - Sinh năm: 1982

Trú tại: Xóm 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Đức T là giám sát của đội công trình tạm thuộc Tổng thầu J, có nhiệm vụ kiểm tra giám sát việc tháo dỡ, thu dọn vật tư của các nhà thầu tại khu vực E100 Nhà máy lọc hóa dầu N. Quá trình làm việc, T phát hiện thấy 111 tấm tôn loại tôn Thăng Long có tổng diện tích là 1.233,76m² là tài sản của công ty cổ phần L là nhà thầu phụ đang thi công tại nhà máy lọc hóa dầu N. Số tôn nói trên đã được tháo dỡ và xếp thành đồng để một thời gian dài nhưng chưa được vận chuyển ra ngoài khu vực E100.

Ngày 07/04/2017 khi T đang làm nhiệm vụ ở khu vực E100 thì thấy Lê Anh V (SN: 1990 ở thôn T - Đ - Đ - Thanh Hóa), nguyên là kỹ sư của công ty P đến gặp Hồ Hậu T2 (SN 1982 ở Xóm 4, xã Q, huyện Q, Nghệ An) hỏi mua tôn lợp mái. Lúc này T nảy sinh ý định bán số tôn nêu trên cho V để lấy tiền tiêu xài nên nói với V là có ít tôn cần bán và dẫn V đến khu vực có tôn. T thống nhất bán số tôn nói trên cho V với giá 9.000.000 đ (chín triệu đồng), T phụ trách xin giấy tờ còn V phụ trách vận chuyển số tôn trên ra ngoài. Sau đó T đến gặp T2 và nói: *“em có ít tôn cần đưa ra ngoài, khi nào nhà xưởng đưa ra thì anh làm giấy kèm số tôn của em đưa ra cùng”*. Do quen biết từ trước, nghĩ rằng số tôn trên là của T nên T2 đồng ý. Chiều cùng ngày, V quay lại thanh toán cho T số tiền 9.000.000 đ (chín triệu đồng) tiền mua tôn. Ngày 09/4/2017, biết được T2 đã hoàn tất giấy tờ, V cho xe vào vận chuyển số tôn trên ra khỏi công trường. Đến ngày 10/04/2017, V bán lại toàn bộ số tôn đã mua của T bán cho anh Lê Văn T1 (Sinh năm: 1982, ở thôn T, xã M, huyện T) với giá 33.000.000đ (Ba ba triệu đồng). T1 đưa trả trước cho V 29.000.000đ (Hai chín triệu đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức T đã giao nộp lại số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) là số tiền T bán tôn trộm cắp để trả lại cho anh Lê Anh V; Lê Anh V giao nộp lại số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) là tiền mà V bán số tôn nêu trên cho Lê Văn T1.

Tại bản kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số: 47/KLĐGTS ngày 18/04/2017 thì 111 tấm tôn có tổng diện tích là 1.233,76 m² nêu trên có giá trị là: 27.142.720đ (Hai bảy triệu một trăm bốn hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Đối với Hồ Hậu T2 đã có hành vi giúp T làm giấy để ghép số tôn mà T trộm cắp được của công ty cổ phần L ra ngoài bán cho Lê Anh V. Nhưng, T2 không biết số tôn trên là do T trộm cắp mà có. Vì vậy, hành vi của T2 không cấu thành tội phạm.

Đối với Lê Anh V đã có hành vi mua số tôn mà T trộm của công ty cổ phần L. Khi mua, V không biết số tôn trên là do T trộm cắp mà có. Vì vậy, hành vi của V không cấu thành tội phạm.

Đối với Lê Văn T1 đã có hành vi mua lại số tôn nêu trên của Lê Anh V. Khi mua, T1 không biết số tôn trên là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, hành vi của T1 không cấu thành tội phạm.

***Về vật chứng:**

Đối với 111 tấm tôn có tổng diện tích là 1.233,76 m², xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là công ty cổ phần L. Công ty cổ phần L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Đối với số tiền 38.000.000 đ (ba tám triệu đồng) mà T và V giao nộp, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Lê Anh V số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) và anh Lê Văn T1 29.000.000đ (hai chín triệu đồng). V và T1 không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 20/7/2017 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa VKS đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt với Nguyễn Đức T là từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: Trả lại cho chủ sở hữu là công ty cổ phần L, công ty cổ phần L không có yêu cầu gì về dân sự; trả lại cho anh Lê Anh V số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) và anh Lê Văn T1 29.000.000đ (hai chín triệu đồng), anh V và anh T1 không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xét.

- Trách nhiệm chịu án phí đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà hôm nay. Có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia thực hành quyền công tố tại phiên toà hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS là chính xác.

*** Xét tính chất vụ án:** Bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song vì do tham lam muốn có được nhiều tiền nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Với hành vi đã thực hiện và hậu quả đã gây ra đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết. Vì vậy cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cũng như giáo dục riêng và phòng ngừa chung

***Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:**

Tiền án, tiền sự: Không, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 9.000.000đ để trả lại cho anh Lê Anh V vì đây là số tiền bị cáo bán tôn cho Lê Anh V. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, với nhân thân của bị cáo như trên, hơn nữa bị cáo có lai lịch rõ ràng, có nơi cư trú ổn định. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng phù hợp với Điều 60 BLHS cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, mở đường cho bị cáo hướng tới tương lai để tu dưỡng rèn luyện mình trở thành người công dân lương thiện.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: Trả lại cho chủ sở hữu là công ty cổ phần L, công ty cổ phần L không có yêu cầu gì về dân sự; trả lại cho anh Lê Anh V số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) và anh Lê Văn T1 29.000.000đ (hai chín triệu đồng), anh V và anh T1 không có yêu cầu gì về dân sự, nên HĐXX không xem xét.

*** Đối với hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng...". Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo khai sau khi phạm tội đến nay bị cáo không có việc làm nên không có thu nhập. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo.

*** Án phí:** Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 BLHS.

- **Xử phạt:** Nguyễn Đức T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- **Án phí:** Áp dụng Điều 99; 231; 234 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và anh Lê Văn T1 là người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn dân sự và anh Lê Anh V là người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
người có quyền lợi liên quan;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh